

NGUYỄN MINH NGUYỄN*
TRẦN THỊ THÚY NGỌC**

MỘT SỐ BIẾN ĐỔI CỦA PHẬT GIÁO NHẬT BẢN TỪ MINH TRỊ DUY TÂN (1868 - 1912)

Tóm tắt: Cải cách Minh Trị Duy Tân khá toàn diện trên nhiều lĩnh vực đời sống con người. Phật giáo ở Nhật Bản cũng không nằm ngoài ảnh hưởng của cuộc cải cách này. Phật giáo truyền thống ở Nhật Bản do tác động của đời sống xã hội đã biến dạng sang dạng thức khác mang tính thế tục hóa, xã hội hóa. Cùng với việc thích nghi với xã hội hiện tại để tự mình tồn tại và phát triển, Phật giáo ở Nhật Bản cũng giúp cho đất nước và dân tộc phát triển. Đây cũng là bài học kinh nghiệm đối với Phật giáo ở Việt Nam trong giai đoạn phát triển tiếp theo.

Từ khóa: Biến đổi, Minh Trị, Nhật Bản, Phật giáo, Tăng Bảo, thế tục hóa

1. Khái quát lịch sử Phật giáo ở Nhật Bản

Phật giáo được truyền bá tới Nhật Bản qua bán đảo Triều Tiên muộn hơn nhiều so với Việt Nam. Cho tới nay, thời điểm Phật giáo đến Nhật Bản được cho là năm 538 sau Công nguyên với sự kiện vua Bách Tế (một vương quốc thuộc bán đảo Triều Tiên) cử đoàn sứ thần sang Nhật Bản, trong đó có cả các nhà sư cùng với tặng phẩm là bức tượng Phật bằng vàng và một bộ kinh Phật¹. Tuy vậy, trong dân gian, Phật giáo đã được biết đến từ trước đó thông qua những người nước ngoài. Thời kỳ đầu, Phật giáo chỉ có ảnh hưởng đối với giới quý tộc, sau đó mới dần truyền bá trong tầng lớp bình dân. Người có vai trò quan trọng nhất trong sự phát triển của Phật giáo ở Nhật Bản thời kỳ này là Thái tử Shotoku (聖徳太子- *Thánh Đức Thái tử*). Bên cạnh đề cao tôn giáo truyền thống là Thần đạo, Thái tử Shotoku đã ban bố Hiến pháp gồm 17 điều, trong đó có đoạn: Đốc lòng tin tưởng nơi Tam Bảo, quy y theo Phật, Pháp, Tăng. Dứt

* Nghiên cứu viên, Viện Triết học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

** Nghiên cứu viên, Viện Triết học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

bỏ tà tâm, tuyệt đối tuân theo giáo lý nhà Phật. Đây là bằng chứng khẳng định có tính pháp lý về vị trí của Phật giáo tại Nhật Bản thời đó.

Cho tới nay, Phật giáo Nhật Bản đã trải qua gần hai nghìn năm lịch sử với nhiều thăng trầm. Thời kỳ Nara (奈良 Nại Lương, 710 - 794), qua sự ủng hộ của Hoàng đế Thánh Võ (709 - 756), Phật giáo có vị trí như một quốc giáo, phát triển mạnh mẽ và khá đa dạng, với 6 tông phái được gọi chung là *Nam Đô lục tông*:

1. *Luật Tông (Ritsu) 律宗*: là một trong mười ba Tông phái Phật giáo chính ở Trung Hoa. Tông này theo khuynh hướng bảo thủ giống như truyền thống ở các nước ở Nam Á, được ngài Đạo Tuyên (Tao-hsuan, 596 - 667) dựa vào bộ Đại Thừa Luật (Mahayana Vinaya) mà thành lập vào thời nhà Đường. Chủ trương của Tông là nghiêm trì giới luật để tiến đến Phật quả. Tông này được ngài Giám Chân (Ganjin) truyền đến Nhật Bản năm 754.

2. *Câu Xá Tông (Kusha) 俱舍宗*: Cũng là một tông phái bảo thủ, lấy Luận A Tỳ Đạt Ma (Abhidharma) làm chỗ nương tựa chính. Đó là một bộ luận nổi tiếng của ngài Thế Thân (Vasubandu).

3. *Thành Thật Tông (Jojitsu) 成実宗*: Tông này dựa vào giáo lý tánh không (non-substantiality) của Luận Thành Thật (Satyasiddhi) mà thành lập.

4. *Tam Luận Tông (Sanron) 三論宗*: phát xuất từ phái Trung Quán ở Ấn Độ, một trường phái phát triển từ Đại sư Long Thọ (Nararjuna). Giáo lý tông này cũng nhấn mạnh đến tự tính Không của vạn pháp. Như tên gọi của tông này, Tam Luận tức là dựa vào ba bộ luận chính: Trung Quán Luận (Madhyamika), Thập Nhị Môn Luận (Dvadasamuka Sastra) của ngài Long Thọ và Bách luận (Shata sastra) của ngài Thánh Thiên (Aryadeva).

5. *Pháp Tướng Tông (Hosso) 法相宗*: bắt nguồn từ trường phái Yoga của Ấn Độ, xuất hiện từ năm 167 Công lịch tại Ấn Độ.

6. *Hoa Nghiêm Tông (Kegon) 華嚴宗*: dựa vào Kinh Hoa Nghiêm (Avatamsaka) để lập tông, chủ trương thờ phụng và thực hành pháp hạnh của đức Phật Tỳ Lô Xá Na².

Tất cả sáu tông phái trên đều có nhiều hành giả, học giả theo đuổi học hỏi và hành trì, nhưng tầm ảnh hưởng chỉ giới hạn trong giới xuất gia mà không mở rộng ra bên ngoài.

Phật giáo Nhật Bản mang màu sắc nhập thế, nhằm đi vào lòng người thuộc mọi đối tượng. Với hai khuynh hướng: khuynh hướng cung cấp những dịch vụ thiết thân như chữa bệnh, làm lễ trong đám tang, an ủi người sống bằng các nghi lễ cầu hồn nhằm tạo sự an tâm trước những quấy rối của linh hồn khi có người chết... cho quảng đại quần chúng và khuynh hướng phục vụ những người coi thế giới này là ảo và chất đầy sự đau khổ, đem lại cho họ nhận thức và phương tiện để giải thoát, Phật giáo Nhật Bản nhanh chóng được cả giới cầm quyền và đông đảo người dân chấp nhận.

Ở Nhật Bản, Phật giáo kết hợp chặt chẽ với tôn giáo bản địa là Thần đạo để tạo thành một loại hình tôn giáo độc đáo là *Thần Phật hợp nhất* ngay từ ngày đầu du nhập. Tới thời kỳ Heian (平安, 794 - 1185), xuất hiện thêm ba tông phái, đó là Thiên Thai Tông (天台宗), Chân Ngôn Tông (真言宗), Tu Nghiệm đạo (修驗道). Bước sang thời kỳ Kamakura (鎌倉, 1185 - 1333), xuất hiện thêm Tịnh Độ Tông (浄土宗), Tịnh Độ Chân Tông (浄土真宗), Nhật Liên Tông (日蓮宗), Thiền Tông (禅宗). Tới thời kỳ Nam Bắc triều (南北朝, 1336 - 1392, là giai đoạn đầu của thời kỳ Muromachi) và Muromachi (室町) (1334 - 1573), xã hội xảy ra nhiều hỗn loạn, Thiền tông, Nhật Liên tông và Tịnh Độ tông phát triển mạnh mẽ. Đến thời kỳ Edo (江戸/Giang Hộ, 1600 - 1868), để tiêu diệt tận gốc Kitô giáo³, Mạc phủ Tokugawa lợi dụng Phật giáo, đặt ra chế độ Danka (檀家 Đản Gia)⁴, bắt buộc người dân phải đăng ký vào một ngôi chùa và cung cấp nuôi sống nhà chùa, tu sĩ Phật giáo có quyền quản lý về hộ tịch, hộ khẩu⁵.

Cuối thời Edo, chủ nghĩa “Tôn vương nhường di”⁶ xuất hiện, chính quyền Mạc phủ đàn áp phái này, sau đó “nhương di” chuyển biến thành “Tôn Vương đạo Mạc”⁷. Và với cuộc chiến Mậu Thìn (năm 1868 đến năm 1869), chính quyền Mạc phủ bị đánh bại, phải trao trả lại quyền lực cho Thiên hoàng, chính quyền Minh Trị được thiết lập. Từ đây, chiến dịch bãi Phật phát triển, truyền thống Thần Phật hợp nhất dần dần bị mai một, nhường chỗ cho sự khôi phục vị thế của Thần đạo thời kỳ Minh Trị Duy Tân (明治, 1868 - 1912). Để củng cố quyền lực, chính quyền Minh Trị đã lợi dụng niềm tin vào Thần đạo để thiết lập cơ cấu chính trị ổn định tập trung vào Thiên hoàng. Trong bối cảnh như vậy, Phật giáo lâm vào một giai đoạn khó khăn, song vẫn kiên trì bền bỉ, tiến hành các biện pháp phản đối những chính sách hà khắc của chính phủ. Kết quả, trong

Hiến pháp năm 1889, Điều 28 quy định tôn giáo tự do. Phật giáo cuối thời Minh Trị đều nằm trong tay Mật tông và Nhật Liên tông.

Để tồn tại trong bối cảnh mới, Phật giáo Nhật Bản đã tự thích nghi và đổi mới. Nhiều nhà sư đi du học Châu Âu, đem về nước phương pháp học thuật mới, cải cách giáo dục Phật giáo và hướng hoạt động Phật giáo vào hoạt động thể tục. Tình hình đó hình thành ở Nhật Bản một phong trào nhập thế chưa từng có, làm tiền đề cho những hoạt động tham chính về sau của một số tổ chức Phật giáo, tiêu biểu là Soka Gakkai (創価学会 : Sáng Giá Học Hội). Thời kỳ Đại Chính Taisho (大正, 1912 - 1926), do quá trình tiếp xúc văn hóa Đông - Tây, xuất hiện hàng loạt tông phái, hội đoàn mới. Các tông phái này khá chú trọng vào việc xây dựng, củng cố tổ chức. Phật giáo Nhật Bản lần đầu tiên đã có tổ chức thống nhất lấy tên là *Hội Liên hiệp Phật giáo* (1915). Cũng từ thời kỳ này, Phật giáo Nhật Bản bắt đầu truyền bá ra ngoài, như Trung Hoa, Triều Tiên, Đài Loan, Mỹ...

2. Phật giáo Nhật Bản thế kỷ XIX hiện đại hóa

2.1. Chính sách mới của chính phủ và thái độ của Tầng già trước thời đại mới

Có thể nói, cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX là thời gian có nhiều sự biến đổi nhất của xã hội Nhật Bản trong đó có Phật giáo. Sau lệnh *Thần Phật Phân Ly* (1867) của Meiji Isin (明治維新), chính phủ dọn đường cho một tôn giáo mang tính chính trị mới là Thần đạo, lấy nguồn gốc từ tục thờ thần trong nhân gian. Lệnh *Thần Phật Phân Ly*, không chỉ đơn thuần tách tôn giáo dân gian ra khỏi Phật giáo, mà dưới tác động của chính trị nghiêng về Thần đạo, đã đẩy lên phong trào “phế Phật hủy Thích”, Thần đạo thay vì chuyển mình từ tập tục sang tôn giáo thì đã sa vào hình thức chính trị. Hình thức tôn giáo chính trị này được các nhà nghiên cứu đánh giá là nguyên nhân chính đưa Nhật Bản tham gia chiến tranh thế giới⁸.

Người ta cố gắng đi tìm một thứ gọi là quốc thể và cho là nó ở trong Thần đạo, nhưng tất nhiên không thể đáp ứng được điều này. Phật giáo tất nhiên không thể là quốc thể của người Nhật, nhưng tách Phật giáo ra để đi tìm quốc thể là điều khiên cưỡng, bởi nền văn hóa và văn minh Nhật Bản được ghi nhận bắt đầu từ thế kỷ VI, nghĩa là kể từ khi Phật giáo được truyền đến. Thần đạo quốc gia tồn tại từ thời Meiji (Minh Trị) trải

qua thời Taisho (Đại Chính) đến thời Showa năm thứ 20 (1945). Sau khi Nhật thất bại trong Chiến tranh Thế giới thứ hai, người ta nhận ra tôn giáo và chính trị cần phải tách bạch, nên Thần đạo quốc gia bị tuyên bố xóa bỏ. Vì thế, Thần đạo trở về với ý nghĩa tôn giáo dân gian vốn có, chấm dứt chế độ tôn giáo chính trị trong xã hội Nhật Bản.

Trong gần một thế kỷ, chính sách Thần đạo quốc gia gây ra nhiều biến động trong các ngôi tự viện. Chùa chiền ít người lui tới, tu sĩ không còn được coi trọng như trước đó. Dưới làn sóng biến động của chính trị xã hội, người ta quan tâm nhiều hơn đến những thành quả kinh tế - vật chất, các tu sĩ cũng hướng theo xu thế chính trị xã hội đương thời, không giữ được “thuyền đạo” qua con sóng dữ. Bên cạnh đó, Tịnh Độ Chân Tông với hình thức cư sĩ đã tham gia hoạt động tích cực vào các lĩnh vực. Tu sĩ của các tông phái khác bắt đầu nghĩ đến thân phận mình trước những trào lưu mới. Thêm vào đó, họ không có giới luật để ràng buộc, không có kết quả thích hợp với họ trong sự khổ luyện nghiêm khắc, và đặc biệt là sự bàng quan của tín đồ tại gia.

Các môn phái thuộc Thiên tông vốn được coi là chuẩn mực trở nên cứng nhắc trong việc tiếp Tăng độ chúng và truyền bá Phật pháp trong thời rối ren, không linh hoạt trong thời đổi mới. Khi những tinh hoa của Phật giáo Nhật Bản cho thế giới biết về một nền văn hóa Zen Buddhism đặc sắc của Nhật Bản, cũng là khi tu sĩ trong nước bắt đầu bước đến con đường thế tục hóa Tăng già và tự viện của mình.

2.2. Phật giáo thế tục hóa, xã hội hóa

Để thích ứng với văn hóa Âu Mỹ mới du nhập, các nhân sĩ Phật giáo chủ trương phải đổi mới và nghiên cứu Phật giáo. Họ đã đẩy mạnh nghiên cứu học thuật. Một loạt các tự viện lớn cử tăng tài sang Châu Âu, Anh, Ấn Độ du học, tiếp thu phương pháp Tây học, học chữ Sanskrit, Pali, Tây Tạng, khiến cho trên phương diện học thuật, Nhật Bản có những xu hướng nghiên cứu toàn diện về Phật giáo: từ Nguyên điển tiếng Phạn, lịch sử Phật giáo, Phật giáo Tây Tạng đến so sánh triết học Phương Tây với Phật giáo, v.v.. Nghiên cứu bằng phương pháp mới của Châu Âu, Mỹ đã đưa lại những thành quả không nhỏ, thậm chí ngày nay vượt xa cả Châu Âu, Mỹ trong lĩnh vực phân kỳ và nghiên cứu nguyên điển Phật giáo. Nhiều kinh điển cổ được ấn bản. Không khí học thuật này với những thành quả rực rỡ kéo dài tới thời Đại Chính. Sự mạnh mẽ của xu thế đổi mới Phật giáo ở Nhật Bản lan sang cả Trung

Quốc. Đại sư Thái Hư của Phật giáo Trung Quốc hiện đại được đào tạo từ Tinh xá Kỳ Viên, nơi được Nhật Bản ủng hộ cả về sách vở và kinh phí xây dựng.

Để nối dài tinh thần học thuật cho Phật giáo, việc đào tạo, bồi dưỡng, giáo dục là lựa chọn tất yếu. Các trường đại học chuyên khoa của các tông phái Phật giáo liên tiếp xuất hiện dưới thời Đại Chính. Tới nay, sau những nỗ lực toàn diện để cải cách và hiện đại hóa Phật giáo, cùng ảnh hưởng của Triết học Phương Tây và Kitô giáo, Phật giáo Nhật Bản đã hoàn toàn thoát ly hình thái và quan niệm của Phật giáo Trung Quốc. Tầng lớp tu sĩ vào núi tu hành và chờ chúng sinh đến xin cứu độ đều bị xã hội hiện đại đào thải.

Bên cạnh việc đẩy mạnh nghiên cứu học thuật, Phật giáo ở Nhật Bản cũng tham chính và hoạt động đoàn thể. Sau thời Đại Chính, tư tưởng dân chủ trỗi dậy, tu sĩ được tham gia chính trị. Phật giáo dần dần hướng về hoạt động xã hội. Sáng Giá Học Hội, một hội đoàn của Tịnh Độ Chân Tông phát triển thành Đảng Cộng Minh có thể lực lớn vào năm 1964, và trở thành chính đảng lớn thứ 3 ở Nhật Bản⁹.

Điểm đặc sắc nhất trong thời cận đại của Phật giáo Nhật Bản là biết thích nghi với xã hội hiện tại để tự tồn tại và phát triển, đồng thời cũng giúp cho đất nước và dân tộc phát triển. Các nhà canh tân Phật giáo nghĩ rằng không nên xây chùa cao, Phật lớn ở trên núi cao, tốn nhiều tiền của như trước kia, mà lại bỏ không. Người dân không có thì giờ lên núi lễ Phật như ngày xưa. Các tu sĩ đã đưa ra phương cách sinh hoạt Phật pháp thích hợp với xã hội bằng các thời khóa tụng niệm ngắn, gọn, nhẹ nhàng, đỡ mất thì giờ để Phật tử có thể thường xuyên tham dự được. Ở mỗi chung cư, họ sử dụng một vài phòng để làm nơi sinh hoạt tôn giáo cho tín đồ, vừa không tốn kém, vừa thích hợp, tiện lợi cho Phật tử đến sinh hoạt mỗi ngày. Tùy theo yêu cầu của dân địa phương, có thể đến những điểm sinh hoạt đó, khi thì đọc sách, hoặc nghe giảng pháp, nghe nhạc Phật giáo, hay tụng một thời kinh ngắn sau giờ làm việc. Tất cả những sinh hoạt này giúp cho Phật tử vừa thư giãn sau một ngày làm việc mệt nhọc, vừa học được những điều thánh thiện của Phật pháp, giúp họ cảm thấy nhẹ nhàng, an vui, làm hành trang cho ngày mai tiếp tục cuộc sống.

Ngoài ra, các tu sĩ cũng biên soạn những bài kinh tụng bằng tiếng Nhật thích hợp với từng thời kỳ và từng chỗ khác nhau, nhằm giúp cho

mọi người dễ dàng tiếp thu và áp dụng được trong cuộc sống, đạt kết quả tốt đẹp cho bản thân họ. Ý tưởng này chịu ảnh hưởng từ tinh thần *Pháp Hoa*. Theo nhà sư Nhật Liên, Phật dạy trong phẩm *Phương Tiện* rằng, niệm một câu Nam Mô Phật cũng là hạt nhân để thành Phật. Chỉ một niệm tâm nghĩ về Phật, Ngài cũng chứng minh, không cần hành trì vất vả.

Chính vì tinh thần canh tân để thích hợp với xã hội công nghiệp, nên Phật giáo được nhiều người hưởng ứng. Điển hình như Sáng Giá Học Hội, chỉ trong vòng 20 năm mà số lượng tín đồ lên đến 20 triệu người.

Con đường thế tục hóa Tăng già, tất nhiên, bao giờ cũng bắt đầu với những lý do cao thượng, có thể đó là ý hướng “Phật giáo hóa xã hội”, nhưng ngõ rẽ này đã biến thành “xã hội hóa Phật giáo”. Và đã có sự khởi đầu thì ắt sẽ khó lòng quay lại. Người xuất gia ngày một ít đi, những ngôi chùa cần có người trụ trì mặc nhiên chấp nhận hình thức tu sĩ mới hay còn gọi là Tân tăng, tức là các vị sư được phép lập gia đình để có người thừa kế trông nom chùa. Khi tự viện không còn Tăng chúng, thay vì chùa là nơi tu học thì chỉ còn một chức năng cúng bái, trụ trì chùa sẽ đảm nhiệm công việc này như kế sinh nhai,... Kể từ đây vị trí xã hội của những thành phần này không thể còn có giá trị như xưa, người ta luôn kính Phật nhưng “kính Phật” không còn đi chung với từ “trọng Tăng”¹⁰.

Giai đoạn thế tục hóa Tăng già và tự viện cũng là lúc giáo lý Phật giáo được truyền đi bằng một phương pháp mới. Thay cho tự viện là trường học, thay cho các buổi thuyết pháp là các ấn phẩm sách báo Phật giáo. Nhu cầu học Phật của người dân Nhật rất lớn và Phật học ở đất nước này là một ngành có ưu thế trong ngành khoa học xã hội và nhân văn. Việc xây dựng nền giáo dục dân chủ và chế độ dân chủ ở Nhật Bản kích thích rất mạnh các tông phái Phật giáo. Các thứ bậc tu sĩ xưa và tàn dư của nhiều tập tục cũ đều không quá nặng nề, thậm chí bị hủy bỏ một cách tự nhiên. Cơ cấu phân loại về dòng phái, hoàng thất chỉ có tính chất tượng trưng. Kiến trúc một phần các chùa, viện cũng đã bỏ các mô thức xưa để áp dụng kiểu dáng mới, hiện đại. Tu sĩ để tóc, lập gia đình là chuyện bình thường.

Sự thay đổi của Phật giáo được xác định rõ ràng nhất là thời kỳ xã hội biến động về chính trị và làn sóng đổi mới trong giai đoạn cuối thế kỷ thứ XIX và đầu thế kỷ XX, trải qua cuộc thử lửa ấy Phật giáo đã không mất

trong lòng dân tộc Nhật, nhưng giá trị tầng lớp tu sĩ, thứ biểu trưng sống động nhất của Phật giáo thay đổi thì tất nhiên giá trị Phật giáo trong xã hội cũng mang một ý nghĩa khác.

3. Một số kinh nghiệm từ sự biến đổi của Phật giáo Nhật Bản

Dễ dàng có thể thấy ngay quá trình thế tục hóa, xã hội hóa Phật giáo Nhật Bản đã đem lại sự tổn thất lớn cho một trong ba chân kiềng của Phật giáo là Tăng bảo. Sự thất bại của Tăng già không hẳn là sự thất bại của Phật giáo trong trường hợp Nhật Bản, một minh chứng rất rõ ràng đạo Phật là của tứ chúng, không chỉ của Tăng. Phật giáo không biến mất ở một đất nước đã hun đúc nên nền văn hóa truyền thống từ đạo Phật vốn hiện hữu từ rất lâu đời, mà với sức mạnh ấy, người Nhật đã chuyển Phật giáo qua một hình thức mới văn minh, hiện đại, khoa học hơn... Tuy nhiên, dấu hiệu tại có được giá trị mới nào đi chăng nữa, sự xói mòn giá trị truyền thống với cách đánh mất vai trò Tăng bảo là một mất mát, khó lòng hồi phục được. Mất đi giá trị truyền thống của Tăng bảo tức mất đi một yếu tố Phật giáo đóng vai trò làm cân bằng cho xã hội hiện đại. Mất mát ấy là một thiệt thòi lớn cho thế hệ hôm nay và mai sau.

Thực trạng như thế nhô nhô nhất mà cường quốc văn minh và giàu mạnh ấy đang đối mặt rõ ràng có thể thấy được là sự cô độc của người già, nạn tự kỷ của thanh thiếu niên, tình trạng stress, căng thẳng của các tầng lớp lao động... những vấn đề hoàn toàn không đáng có nơi một xã hội có truyền thống Phật giáo lâu đời.

Sự giàu mạnh về vật chất làm người ta tin rằng sẽ bảo đảm cho tuổi già, nhưng vật chất không có đủ sức mạnh để có thể làm chỗ dựa cho những tâm hồn mệt mỏi. Niềm tin tuyệt đối về thế giới Cực lạc cho dù sẵn có nhưng điều đó là ở thế giới bên kia. Còn thế giới của tình cảm con người hiện tại cần những điều cụ thể. Các cụ già những khi vắng con, vắng cháu có thể đến chùa, nghe một thời kinh, tham dự một thời thuyết pháp, một ngày tu bát quan trai, ở đó có những người bạn già, có những vị tăng mà cuộc đời họ không thuộc về quyền sở hữu của ai, có thể nghe các cụ một câu chuyện, hay một lời hỏi thăm... hay đơn giản hơn các cụ chỉ đến ngồi dưới bóng mát yên tĩnh của mái chùa, một mái chùa đúng nghĩa không phải mất tiền mua vé vào cổng và không thuộc quyền sở hữu của gia đình nào.

Mặc dù Phật tử Nhật bản không còn đủ Tam Bảo để tạo nên thế đứng truyền thống của Phật giáo, nhưng Phật giáo ở Nhật Bản vẫn đủ sức tạo nên một xã hội mà nhân cách con người đạt đến mức chuẩn mực. Khó có một xã hội văn minh nào mà người nhật được của rơi luôn mang giao cho cảnh sát, người ta luôn nghĩ đến người khác trước khi nghĩ đến mình. Thế giới hẳn chưa quên và văn minh Phương Tây hẳn đã giật mình khi chứng kiến cách cư xử của những con người đang đứng trước sự cùng cực ở nơi đây trong vụ thiên tai thảm khốc năm 2011.

Có những hướng đi hoàn toàn mới lạ và biểu hiện rõ tính độc lập tự chủ đáng nể đối với Phật tử ở xứ sở này. Giá trị Tăng bảo thay đổi không có nghĩa Phật giáo biến mất, truyền thống người con Phật được khẳng định một cách thiết thực, nhất là khi so sánh với kết quả truyền đạo của các tôn giáo Phương Tây.

Con gió hiện đại đã làm Phật giáo Nhật Bản trở thành một hình thức tôn giáo mới duy nhất chỉ có ở Nhật Bản. Phật giáo ở Việt Nam, cũng tương tự đối với một số nước có cùng nguồn gốc Phật giáo đang phải đối mặt với làn sóng xô bồ của hiện đại hóa. Làm sao để thích ứng và phát triển? Làm sao để giữ gìn đủ tổ chất? Làm sao để là chiếc cầu nối con cháu với tổ tiên, để văn hóa dân tộc sáng hơn và đẹp hơn trong thời đại... là những câu hỏi lớn luôn cần phải đặt lên hàng đầu. Phật giáo ở Việt Nam ngày sau như thế nào thì vẫn là điều đang nằm phía trước, khi mà Việt Nam đang bước vào thời kỳ mà mấy mươi năm trước Nhật Bản đã trải qua./.

CHÚ THÍCH:

- 1 Phạm Hồng Thái (Chủ biên, 2005), *Đời sống tôn giáo Nhật Bản hiện nay*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội: 42.
- 2 Theo <http://www.budsas.org/uni/u-vbud/vbpha260.htm>
- 3 Số lượng người theo Kitô giáo tăng nhanh vì nỗ lực của các nhà truyền giáo. Hiện tượng nhiều người dân vùng Tây Nam (nơi làm ăn phát đạt với Phương Tây) theo Kitô giáo khiến chính quyền Mạc phủ lo ngại sự liên kết của các lãnh địa phía Tây Nam với thế lực Phương Tây, dẫn đến lật đổ chính quyền.
- 4 檀家制度 - người dân đăng ký vào một ngôi chùa nào đó và có nghĩa vụ chu cấp cho nhà chùa.
- 5 Cụ thể về các tông phái này, xem Trần Quang Thuận (2008), *Phật giáo Nhật Bản*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
- 6 Phái Nhương Di chủ trương ủng hộ Thiên hoàng, đánh đuổi các nước Phương Tây.
- 7 Ủng hộ Thiên hoàng, đánh đổ Mạc phủ.

- 8 Theo lý thuyết này, thì Thiên hoàng là con cái thần linh, nên tất cả các dân tộc khác cũng phải thần phục Thiên hoàng. Tinh thần này rất phù hợp với thuyết chủng tộc ưu việt của chủ nghĩa phát xít Đức.
- 9 Pháp sư Thánh Nghiêm, Pháp sư Tịnh Hải (2008), *Lịch sử Phật giáo thế giới*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội: 545.
- 10 Xem: Trần Minh Long, *Phật giáo Nhật Bản có thể không còn nữa*, theo http://www.phatgiaodaichung.com/Bai2012/000Phatgiaonhat_letang.htm

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Pháp sư Thánh Nghiêm, Pháp sư Tịnh Hải (2008), *Lịch sử Phật giáo thế giới*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
2. Trần Quang Thuận (2008), *Phật giáo Nhật Bản*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
3. Phạm Hồng Thái (Chủ biên, 2005), *Đời sống tôn giáo Nhật Bản hiện nay*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
4. Phạm Hồng Thái (2008), *Tư tưởng Thần đạo và xã hội Nhật Bản cận - hiện đại*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
5. Nguyễn Tiến Lực (2013), *Nhật Bản những bài học về lịch sử*, Nxb. Thông tin và Truyền thông, Hà Nội.
6. Ishii Takayuki (石井隆之), *日本の宗教の知識と*, Nxb. ベル, 2010
7. http://www.phatgiaodaichung.com/Bai2012/000Phatgiaonhat_letang.htm
8. <http://www.budsas.org/uni/u-vbud/vbpha260.htm>

Abstract

SOME CHANGES OF JAPAN BUDDHISM IN MEIJI PERIOD (1868 - 1912)

Meiji Restoration totally impacted on many fields of Japan's society at that time. Japan Buddhism was also affected by this renovation. As a result of social impact, the traditional Buddhism of Japan changed into a social and secular form. Along with the adaptation to modern society, Japan Buddhism has had a major influence on the development of Japanese society. This is a good experience for Vietnam Buddhism.

Keywords: Buddhism, Buddhist monk, Japan, Meiji, secularization.